TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162 /2020/DSST
Ngày 29 - 9 - 2020
V/v "Hợp đồng Bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các hội thẩm Nhân Dân:
Ông: Huỳnh Văn Năm
Ông: Bùi Xuân Minh
Thư ký ghi biên bản phiên Toà :Ông Phan Việt Xô - Thư ký toà án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020 ngày 14/02/2020 về tranh chấp " Hợp đồng bảo lãnh" ,theo Quyết định đưa ra xét xử số 169/2020 ngày 27.8.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 459/2020 ngày 14.9.2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Hoàng N – sinh năm 1959
Nguyễn Thị B – sinh năm 1961
Cùng địa chỉ: khóm 7, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau
Bị đơn : Thái Hoàng L – sinh năm 1980
Địa chỉ: khóm 10, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn K – Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau
Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa , bị đơn và ông K vắng mặt không rỏ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà:

Vào ngày 23.3.2018 anh L có gọi điện thoại hỏi mượn tiền dùm cho anh Nguyễn Văn K, vợ chồng tôi không biết anh K, nhưng ông L đứng ra bảo lãnh nên vợ chồng tôi mới đồng ý cho Khuyên vay, sau đó anh L cùng anh K đến nhà chúng tôi lấy tiền, thực tế anh K là người vay tiền, còn anh L là người bảo lãnh. Vợ chồng tôi cho vay số tiền là 40.000.000 đồng lãi 4.000.000 đ/1 tháng, thời hạn vay là 1 tháng từ khi vay đến nay ông K không đóng lãi và cũng không trả vốn, khi vay thì anh K là người viết biên nhận và nhận tiền.

Nay ông N và bà B yêu cầu anh L có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông tiền góc là 40.000.000 đồng và lãi 10 tháng là 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa ông N và bà B yêu cầu ông L trả góc 40.000.000 đ và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, tính đến thời điểm xét xử là 30 tháng (ngày 23.3.2018 đến ngày 23.9.2020).

Lời trình bày của bị đơn Thái Hoàng L:

Tôi xác định ông N và bà B ông biết Khuyên, tôi là bạn của Khuyên. Vào ngày 23.3.2018 trong lúc đang nhậu thì Thảo gọi điện cho ông N và bà B để hỏi tiền dùm cho Khuyên, sau đó tôi nghe máy và nói chuyện với ông N và bà B cũng nội dung mượn tiền dùm cho Khuyên với số tiền là 40.000.000đ lãi mỗi tháng là 4.000.000 đồng , khi gọi điện thì tôi có nói chổ quen biết không à cứ cho mượn đi tôi chịu trách nhiệm, nhưng ông N và bà B không đồng ý, sau đó ông Thảo gọi nói chuyện tiếp thì ông N và bà B mới đồng ý. Cùng ngày tôi và Khuyên có đến nhà ông N và bà B để nhận tiền và làm giấy, nhưng do đợi lấy tiền lâu quá nên tôi bỏ về trước, còn Khuyên ở lại nhận tiền, việc ông N và bà B đưa tiền cho Khuyên tôi không thấy, nhưng thực tế ông K có nhận số tiền 40.000.000 đồng từ ông N và bà B. Kể từ khi Khuyên vay tiền đến nay ông K có trả vốn và đóng lãi cho ông N và bà B chưa thì tôi không biết .

Nay tôi không đồng ý theo yêu cầu của ông N và bà B vì số tiền trên là Khuyên nợ chứ không phải của tôi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự tố tụng của pháp luật Tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì tại biên bản hòa giải của Công an thị trấn Sông Đốc và biên bản hòa giải của Tòa án thì bị đơn thừa nhận có bảo lãnh cho ông K vay số tiền là 40.000.000 đồng từ ông N và bà B. Nay ông K không trả cho ông N và bà B thì ông L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là phù hợp. Về phần lãi tại phiên tòa nguyên đơn có thay đổi phần lãi yêu cầu theo lãi xuất nhà nước quy định là phù hợp, việc thay đổi đó không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những nội dung trên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận , Hội đồng xét xử nhận định.

[1] . Xét về thẩm quyền: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Trần Văn Thời, ông N và bà B khởi kiện anh L về việc tranh chấp "hợp đồng bảo lãnh", nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là phù hợp với điều 26 và 35, điểm Điều 39 BLTTDS.

[2]. Xét về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị, bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Toà án bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn là phù hợp với Điều 186 BLTTDS.

[3]. Xét về thủ tục tiến hành tố tụng:Tòa án đã triệu tập anh L và anh K hợp lệ 2 lần để xét xử nhưng anh L và anh K vắng mặt không rỏ lý do, nên căn cứ vòa Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[4]. Xét về điều luật áp dụng: việc tranh chấp xảy ra sau khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn chi tiết để giải quyết là phù hợp với điều 688 Bộ luật dân sự.

[5]. Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông N và bà B cho rằng ông L có bảo lãnh cho ông K vay tiền, nay ông K không trả nên khởi kiện ông L yêu cầu ông L phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nên xác định quan hệ tranh chấp là "hợp đồng bảo lãnh" theo quy định tại Điều 335 BLDS.

[6] Xét về nội dung vụ kiện, yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến cảu bị đơn: Vào ngày 23.3.2018 anh L có gọi điện thoại hỏi mượn tiền dùm cho anh Nguyễn Văn K, vợ chồng ông N không biết anh K, nhưng ông L đứng ra bảo lãnh nên vợ chồng Nhứt đồng ý cho Khuyên vay, sau đó anh L cùng anh K đến nhà ông N lấy tiền, thực tế anh K là người vay tiền, còn anh L là người bảo lãnh. Vợ chồng ông N cho anh K vay số tiền là 40.000.000 đồng lãi 4.000.000 đ/1 tháng, thời hạn vay là 1 tháng từ khi vay đến nay ông K không đóng lãi và cũng không trả vốn, khi vay thì anh K là người viết biên nhận và nhận tiền.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu nguyên đơn yêu cầu anh L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền góc là 40.000.000 đồng và lãi 30 tháng nhưng tính theo lãi nhà nước quy định (23.3.2018 – 23.9.2020).

Đối với anh L cũng thừa giữa vợ chồng ông N và anh K không quen biết nhau, nhưng anh L có gọi điện thoại nói chuyện với vợ chồng ông N là "cho Khuyên mượn tiền có gì anh chịu trách nhiệm" nhưng ông N và Bo không đồng ý, sau đó Thảo gọi điện thoại cho ông N và Bo lúc này vợ chồng ông N mới đồng ý. Sau đó anh L cùng đi với anh K đến nhà vợ chồng ông N để nhận tiền. Việc nhận tiền là do Khuyên làm biên nhận và nhận tiền, và quá trình vay Khuyên có trả chưa thì anh L không biết. Nay không đồng ý theo yêu cầu của vợ chồng ông N.

Hội đồng xét xử xét thấy việc ông L có bảo lãnh cho anh K đứng ra vay số tiền 40.000.000 đồng của vợ chồng ông N là có thật, bởi tại biên bản hòa giải của của Công anh thị trấn Sông Đốc ngày 11.02.2020 ông L thừa nhận có bảo lãnh cho ông K vay tiền của ông N và bà B; Tại biên bản hòa giải của Tòa an án ngày 6.3.2020, anh L cũng xác định giữa anh K và vợ chồng ông N không quen biết, và anh có gọi điện thoại để hỏi mượn tiền của bà B và ông N cho anh K, nhưng vợ chồng ông N không đồng ý, sau đó anh Thảo gọi điện thoại thì ông N và bà B mới đồng ý. Tại biên bản làm việc với anh Thảo ngày 27.8.2020 thì anh Thảo không thừa nhận;Tại đoạn ghi âm (biên bản mỡ đoạn ghi âm) thì anh L có nói " cứ cho mượn đi có gì tôi chịu trách nhiệm".Từ những lập luận phân tích trên xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, nên buộc ông L có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tiền góc là 40.000.000 đ là phù hợp với Điều 335 BLDS

Đối với khoản lãi từ khi anh K vay đến nay không đóng lãi nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật và thời hạn tính lãi là 30 tháng là phù hợp với Điều 468 BLDS. Số tiền vốn góc ban đầu là 40.000.000 đồng, thời gian vay là ngày 23.3.2018, tính đến thời điểm ngày 23.9.2020 là 30 tháng x 1,66% = 19.920.000 đồng. Như vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh L có trách nhiệm trả khoản tiền bảo lãnh cho anh K là tiền góc 40.000.000 đồng, lãi là 19.920.000 đồng. Tổng góc và lãi là 59.920.000 đồng.

Tại phiên tòa ông N và bà B có thay đổi yêu cầu phần lãi, nhưng việc thay đổi đó không dược quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nên chấp nhận

Đối với việc bảo lãnh của anh L nếu sau này anh K không trả cho anh L khoản tiền trên thì anh L có quyền khởi kiện anh K bằng một vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Do ông N và bà B yêu cầu được chấp nhận nên không phải chịu án phí, đối với số tiền án phí bà B dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ. Đối với anh L phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Điều 12, Nghị Quết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án , tạn ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, 35,39,186, 227 Bộ luật tố tụng dân sự . Áp dụng Điều 335 Điều 336, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự .

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Hoàng N và bà Nguyễn Thị B

- Buộc anh Thái Hoàng L, có trách nhiệm trả cho ông Trương Hoàng N và bà Nguyễn Thị B số tiền góc là 40.000.000 đ và lãi 19.920.000 đ, tổng là 59.920.000 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm hai chục ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lải theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Nghị Quết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạn ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Án phí sơ thẩm dân sự anh L phải chịu là 2.996.000 đồng, bà B đã dự nộp án phí trước là 2.000.000 đ theo biên lai số 0003260 ngày 14.02.2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được hoàn lại toàn bộ .

-Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn và anh K có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Trường hợp bản án ,quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án , hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thanh Nhung